

TỔNG HỢP THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025
(Báo tuần từ ngày 05/02/2025 đến ngày 11/02/2025)

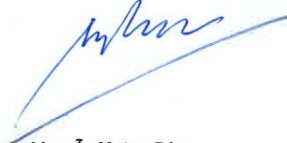
ĐVT: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU THU	Dự toán 2025	Phát sinh trong tuần	Thực hiện đến ngày 11/02/2025 (số liệu đến ngày 10/02/2025)	Ước phát sinh tuần sau (từ ngày 12/02 đến ngày 18/02)	Ước thực hiện đến ngày 18/02/2025	Tỷ lệ % thực hiện đến ngày 11/02/2025 so với Dự toán	Tỷ lệ % UTH đến ngày 18/02/2025 so với Dự toán	Tỷ lệ % thực hiện so với cùng kỳ	So sánh với tuần trước	
										Tăng(+)/ giảm(-)	Tỷ lệ %
A	B	1	2	3	4	5=3+4	6=3/1	7=5/1	8	9=2- (PS tuần trước)	10
	TỔNG THU	16.253.808	538.404	6.367.319	210.030	6.577.349				-813.199	-60,17
1)	Thu NSNN trên địa bàn	10.590.000	527.272	2.827.554	210.030	3.037.584	26,70	28,68	163,47	-822.347	-60,93
a)	Thu nội địa	10.270.000	520.029	2.797.764	200.030	2.997.794	27,24	29,19	164,33	-824.782	-61,33
-	Thu từ DN có vốn ĐTNN	2.655.000	13.581	594.382	50.000	644.382	22,39	24,27	134,46	-417.681	-96,85
-	Thu từ doanh nghiệp NN	270.000	2.093	35.267	10.000	45.267	13,06	16,77	109,94	-17.980	-89,57
-	Thu từ Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.370.000	268.261	911.454	30.000	941.454	66,53	68,72	201,96	-239.304	-47,15
-	Lệ phí trước bạ	295.000	4.063	30.546	5.000	35.546	10,35	12,05	89,91	-1.298	-24,21
-	Thuế sử dụng đất nông nghiệp, phi NN	19.200	73	307	1.000	1.307	1,60	6,81	57,28	1	1,39
-	Thuế thu nhập cá nhân	920.000	9.935	158.554	20.000	178.554	17,23	19,41	164,25	-98.436	-90,83
-	Thu tiền sử dụng đất	950.000	22.143	186.214	10.000	196.214	19,60	20,65	175,39	-1.658	-6,97
-	Thu tiền cấp quyền Khai thác khoáng sản	5.000	922	976	30	1.006	20	20,12	182,43	916	
-	Thu phí, lệ phí	145.000	2.512	28.804	5.000	33.804	19,86	23,31	87,34	-11.617	-82,22
-	Thu tiền cho thuê và bán nhà ở thuộc SHNN	1.000	0	0	0	0	0	0,00	0,00	0	
-	Thu tiền thuê đất, thuê mặt nước	45.000	13	170.710	1.000	171.710	379	381,58	5.236,50	-701	
-	Thuế bảo vệ môi trường	1.260.000	579	51.578	58.000	109.578	4	8,70	79,72	-50.132	
-	Thu khác ngân sách	284.800	10.854	40.916	10.000	50.916	14,37	17,88	128,02	4.164	62,24
-	Thu từ hoạt động XSKT	2.050.000	185.000	588.056	0	588.056	28,69	28,69	144,67	8.944	
b)	Thuế xuất nhập khẩu	320.000	7.243	29.790	10.000	39.790	9,31	12,43	109,68	2.435	50,64
2)	Thu bổ sung từ NSTW	5.663.808	0	1.699.142	0	1.699.142	30,00	30,00		0	
3)	Thu chuyển nguồn, kết dư	0	11.132	1.840.623	0	1.840.623				9.148	
4)	Thu các khoản vay	0	0	0	0	0				0	
	Điều tiết: - NSTW	1.055.610	12.827	73.825	44.910	118.735	6,99	11,25	98,01		
	- NS TỈNH	7.222.825	458.570	5.933.860	127.120	6.060.980	82,15	83,91	229,95		
	- NS HUYỆN, XÃ	2.311.565	67.007	359.634	38.000	397.634	15,56	17,20	113,84		

Ghi chú:
- Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết là 185,00 tỷ đồng, lũy kế đến ngày 11/02/2025 là 588,056 tỷ đồng đạt 28,69% so với dự toán năm, bằng 144,67% so với cùng kỳ.
- Thu tiền sử dụng đất là 22,143 tỷ đồng, lũy kế đến ngày 11/02/2025 là 186,214 tỷ đồng, đạt 19,60% so với dự toán năm, bằng 175,39% so với cùng kỳ.
- Các khoản thu nội địa còn lại là 312,886 tỷ đồng, lũy kế đến ngày 11/02/2025 là 2.023,494 tỷ đồng, đạt 27,83% so với dự toán năm, đạt 170,05% so với cùng kỳ.

Lập biểu

Thân Thị Diệu Thảo

Phòng QL Ngân sách - Tài chính HCSN

Nguyễn Hoàng Búp

TỔNG HỢP CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM 2025
(Báo tuần từ ngày 05/02/2025 đến ngày 11/02/2025)

ĐVT: triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU CHI	Dự toán năm 2025	Phát sinh trong tuần	Thực hiện đến ngày 11/02/2025 (số liệu đến ngày 10/02/2025)	Ước phát sinh tuần sau (từ ngày 12/02 đến ngày 18/02)	Ước thực hiện đến ngày 18/02/2025	Tỷ lệ % thực hiện đến ngày 11/02/2025 so với Dự toán	Tỷ lệ % UTH đến ngày 18/02/2025 so với Dự toán	Tỷ lệ % thực hiện so với cùng kỳ	So sánh với tuần trước	
										Tăng(+)/ giảm(-)	Tỷ lệ %
A	B	1	2	3	4	5=3+4	6=3/1	7=5/1	8	9=2- (PS tuần trước)	10
	TỔNG CHI	17.443.707	45.448	1.974.708	116.500	2.091.208	11,32	11,99	97,52	-543.991	-92,29
A	CHI CÂN ĐỐI	17.443.507	45.448	1.911.957	116.500	2.028.457	10,96	11,63	100,88	-543.991	-92,29
I.	Chi đầu tư phát triển	6.517.067	4.122	690.042	50.000	740.042	10,59	11,36	71,23	-335.486	-98,79
II.	Chi thường xuyên	10.495.273	41.327	1.221.915	66.500	1.288.415	11,64	12,28	131,87	-208.506	-83,46
1	Chi hành chính SN	9.852.904	38.949	1.186.368	60.000	1.246.368	12,04	12,65	132,74	-198.525	-83,60
	Chi sự nghiệp kinh tế, môi trường	1.018.656	2.634	26.323	10.000	36.323	2,58	3,57	64,49	-9.989	-79,13
	Chi sự nghiệp văn xã	6.816.156	30.162	863.690	40.000	903.690	12,67	13,26	137,55	-140.188	-82,29
	Chi quản lý hành chính	2.018.092	6.153	296.355	10.000	306.355	14,68	15,18	131,70	-48.348	-88,71
2	Chi khác	642.369	2.378	35.547	6.500	42.048	5,53	6,55	108,19	-9.981	-80,76
	Quốc phòng - An ninh	327.296	1.890	32.491	5.000	37.491	9,93	11,45	101,10	-9.705	-83,70
	Khác	315.073	488	3.056	1.500	4.556	0,97	1,45	425,09	-276	-36,10
III.	Bổ sung quỹ DTTC	1.000	0	0	0	0	0,00	0,00		0	
IV.	Dự phòng	273.808	0	0	0	0				0	
V.	Tạo nguồn cải cách tiền lương	0	0	0	0	0				0	
VI.	Chi CTMT, BS có mục tiêu	156.359	0	0	0	0				0	
VII.	Chi trả lãi, phí vay	200	0	0	0	0				0	
VIII.	Chi trả nợ vay	0	0	0	0	0				0	
B	TẠM ỨNG XDCB	0	0	56.535	0	56.535				0	
C	TẠM ỨNG HCSN	0	0	6.216	0	6.216				0	
D	TẠM ỨNG KHÁC	0	0	0	0	0				0	
E	T.Ư CHI XDCB NĂM TRƯỚC CH.SANG	0	0	0	0	0				0	

Ghi chú: Nguồn dự phòng năm 2025: Dự toán là 273,808 tỷ đồng; đã sử dụng đến ngày 11/02/2025 là 14,475 đồng. Trong đó:

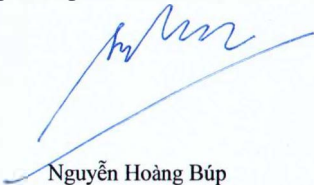
- Cấp Tỉnh: Dự toán đầu năm là 102,407 tỷ đồng, đã có kế hoạch sử dụng đến ngày 11/02/2025 là 6,100 đồng. Số còn lại là 96,307 tỷ đồng.
- Cấp Huyện: Dự toán đầu năm là 146,240 tỷ đồng, đã sử dụng đến ngày 11/02/2025 là 8,375 đồng. Số còn lại là 137,865 tỷ đồng.
- Cấp Xã: Dự toán đầu năm là 25,160 tỷ đồng, đã sử dụng đến ngày 11/02/2025 là 0 đồng. Số còn lại là 25,160 tỷ đồng.

Lập biểu



Thân Thị Diệu Thắm

Phòng QL Ngân sách - Tài chính HCSN


Nguyễn Hoàng Búp